

DOI: 10.58490/ctjump.2026i103.5237

**NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH
PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN
CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI QUẬN BÌNH THỦY, CẦN THƠ
NĂM 2025**

**Phạm Long Phi, Quách Phương Thảo, Nguyễn Thái Hưng, Nguyễn Hoài Linh,
Trần Huyền Trân, Nguyễn Văn Đối, Nguyễn Lê Ngọc Giàu***

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: nlngiau@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 08/4/2026

Ngày phản biện: 02/8/2026

Ngày duyệt đăng: 25/9/2026

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đuối nước là một trong những nguyên nhân tử vong hàng đầu ở trẻ em và thanh thiếu niên trên thế giới và Việt Nam. Theo báo cáo toàn cầu về phòng chống đuối nước của WHO năm 2024, ít nhất 3 triệu người đã thiệt mạng vì đuối nước trong một thập kỷ vừa qua, ước tính có hơn 300.000 người đã tử vong do đuối nước mỗi năm, 43% trong số đó là ở trẻ em dưới 14 tuổi.

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành đạt về phòng chống đuối nước và một số yếu tố liên quan của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 280 học sinh từ khối 6 đến khối 9 đang theo học tại Trường Trung học cơ sở Trà An và Trường Trung học cơ sở Long Hòa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ học sinh đạt về thái độ (93,2%) và thực hành (62,5%) ở mức cao, nhưng kiến thức đạt thấp (35,7%). Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành đạt của học sinh gồm khối lớp, học sinh biết bơi, trường có dạy bơi và công tác truyền thông phòng chống đuối nước tại địa bàn nghiên cứu ($p < 0,05$).

Kết luận: Thực trạng về thái độ và thực hành phòng chống đuối nước ở học sinh trung học cơ sở trên địa bàn quận Bình Thủy ở mức cao. Tuy nhiên, tỷ lệ kiến thức về phòng chống đuối nước ở đối tượng này còn tương đối thấp. Nhà trường nên phối hợp với địa phương tổ chức các chương trình sinh hoạt ngoại khóa nhằm nâng cao kiến thức về phòng chống đuối nước cho học sinh.

Từ khóa: Đuối nước, kiến thức, thái độ, thực hành.

ABSTRACT

**KNOWLEDGE, ATTITUDES, PRACTICES REGARDING DROWNING
PREVENTION AND ASSOCIATED FACTORS AMONG MIDDLE
SCHOOL STUDENTS IN BINH THUY DISTRICT,
CAN THO CITY IN 2025**

**Phạm Long Phi, Quach Phuong Thao, Nguyen Thai Hung, Nguyen Hoai Linh,
Tran Huyen Tran, Nguyen Van Doi, Nguyen Le Ngoc Giau***

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Drowning is a leading cause of mortality among children and adolescents globally and in Vietnam. According to the WHO Global Report on Drowning Prevention 2024, at least 3 million people have died from drowning over the past decade, with an estimated annual total exceeding 300,000 deaths, 43% of which occur among children under 14 years old. **Objectives:** To determine the levels of knowledge, attitudes, and practices regarding drowning prevention among middle school students in Binh Thuy District, Can Tho City, and to identify associated factors. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 280 students from

grades 6 to 9 currently enrolled at Tra An Middle School and Long Hoa Middle School, Binh Thuy District, Can Tho City. **Results:** The study recorded high rates of adequate attitudes (93.2%) and practices (62.5%) among students, but a low rate of adequate knowledge (35.7%). Grade level, swimming proficiency, school-based swimming lessons, and local drowning prevention communication were significantly associated with students' knowledge and practice ($p < 0.05$). **Conclusions:** The current status of attitudes and practices regarding drowning prevention among middle school students in Binh Thuy District is high. However, the level of knowledge in this group remains relatively low. Schools should collaborate with local authorities to organize extracurricular programs to enhance drowning prevention knowledge for students.

Keywords: Drowning, knowledge, attitude, practice.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo báo cáo thực trạng toàn cầu về phòng chống đuối nước mới nhất của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) vào năm 2024, ít nhất 3 triệu người đã thiệt mạng vì đuối nước trong một thập kỷ vừa qua [1]. Theo ghi nhận vào năm 2021, ước tính có hơn 300.000 người đã tử vong do đuối nước, 43% trong số đó là ở trẻ em từ 14 tuổi trở xuống [2]. Vào năm 2020, Việt Nam có hơn 50% số ca tử vong do đuối nước là người dưới 25 tuổi trong khi trẻ em dưới 5 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất [3]. Đặc biệt tỷ lệ tử vong do đuối nước ở lứa tuổi học sinh có xu hướng tăng vào các kỳ nghỉ hè hoặc mùa mưa lũ [4]. Để phòng ngừa đuối nước thì phải nâng cao nhận thức, kiến thức, thái độ, sự quan tâm về vấn đề này của học sinh và các bậc phụ huynh nhiều hơn nữa. Với mục đích nâng cao kiến thức và dự phòng đuối nước của học sinh trung học cơ sở ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long nói chung và ở thành phố Cần Thơ đặc biệt là khu vực quận Bình Thủy nói riêng, nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu: Xác định tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành đạt về phòng chống đuối nước và một số yếu tố liên quan của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh đang theo học các khối 6, 7, 8, 9 tại các trường trung học cơ sở tại quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Học sinh đang theo học các khối 6, 7, 8, 9 tại các trường trung học cơ sở tại quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:**

+ Vắng mặt trong thời gian nghiên cứu.

+ Học sinh đang có vấn đề về tâm lý không thể thực hiện khảo sát.

- **Địa điểm, thời gian nghiên cứu:** Trường Trung học cơ sở Trà An và Trường Trung học cơ sở Long Hòa từ tháng 5/2025 đến tháng 5/2026.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ với độ chính xác tuyệt đối.

$$n = z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Chọn $p=0,572$ theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Lương năm 2023 nghiên cứu tại Hà Nội có tỷ lệ kiến thức đạt là 57,2% [5], hệ số tin cậy $Z=1,96$ với mức ý nghĩa $\alpha=0,05$, độ tin cậy 95%, sai số cho phép ($d = 0,075$). Sử dụng thêm hiệu lực thiết kế $DE=1,5$ do chọn mẫu

nhiều giai đoạn. Tính ra cỡ mẫu cần thu thập là $n=251$. Dự trừ mất mẫu 10% nên ta có $n=276$ mẫu, làm tròn 280 mẫu.

Do đó cỡ mẫu chọn trong nghiên cứu là 280 học sinh.

- **Phương pháp chọn mẫu:** sử dụng phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn.

+ Giai đoạn 1: Tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ có 6 trường trung học cơ sở, lập danh sách các trường và bốc thăm ngẫu nhiên 2 trường nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu nghiên cứu.

+ Giai đoạn 2: Tại mỗi trường, bốc thăm ngẫu nhiên 1 lớp ở mỗi khối. Chọn được 4 lớp ở mỗi trường.

+ Giai đoạn 3: Chọn toàn bộ các em học sinh trong lớp (khoảng 35 – 40 học sinh). Trường hợp lớp không đủ học sinh thì chọn thêm ở lớp kế cùng khối cho đến khi đủ số lượng.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Thông tin chung của học sinh: Tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo, lớp, kết quả học tập.

+ Đặc điểm gia đình học sinh: Nghề nghiệp, trình độ học vấn của cha mẹ học sinh, tình trạng kinh tế gia đình.

+ Đặc điểm kiến thức phòng chống đuối nước của học sinh: Kiến thức về nguyên nhân, hậu quả, khu vực nguy cơ của đuối nước; kiến thức về vật dụng thường sử dụng khi bị đuối nước; kiến thức nhận biết một người bị đuối nước, các hành động nên thực hiện và cách sơ cứu khi gặp một người bị đuối nước.

+ Đặc điểm thái độ phòng chống đuối nước của học sinh: Thái độ về tính cấp thiết của việc học bơi; thái độ xử trí khi gặp một người bị đuối nước; thái độ của bản thân về trách nhiệm phòng chống đuối nước trong xã hội.

+ Đặc điểm thực hành phòng chống đuối nước của học sinh: Khả năng bơi lội của học sinh, thực hành tìm hiểu về phòng tránh nguy cơ gây đuối nước, thực hành các quy tắc an toàn khi tham gia các hoạt động dưới nước, khả năng tự cứu mình khi gặp nguy hiểm dưới nước, thực hành cứu nạn nhân đuối nước; tham gia các buổi tuyên truyền phòng chống đuối nước tại địa phương, thực hành tuyên truyền về phòng chống đuối nước.

+ Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành phòng chống đuối nước của học sinh: Khối lớp, học sinh biết bơi, trường có dạy bơi và công tác truyền thông phòng chống đuối nước tại địa bàn nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn đánh giá:**

+ Kiến thức phòng chống đuối nước được đánh giá bằng 10 nhóm kiến thức nhỏ tương đương với 10 câu hỏi. Dựa vào thang điểm KAP, với mỗi câu hỏi, học sinh trả lời được trên 50% đáp án thì được 1 điểm, trả lời dưới 50% hoặc không biết thì được 0 điểm. Tổng điểm kiến thức chung của học sinh tối đa là 10 điểm. Học sinh được đánh giá có kiến thức đạt khi đạt $\geq 50\%$ tổng điểm chung.

+ Thực hành phòng chống đuối nước được đánh giá bằng 7 nhóm thực hành. Đánh giá thực hành đạt của học sinh ở mỗi nhóm thực hành khi học sinh đã thực hành được trên 50% các hành động an toàn được nêu ra trong bộ câu hỏi. Học sinh được đánh giá là đạt thực hành chung về phòng chống đuối nước khi đạt từ 50% trở lên trong tổng 7 nhóm thực hành.

+ Thái độ về phòng chống đuối nước được đánh giá theo 5 câu hỏi tương ứng với 6 điểm. Học sinh được đánh giá có thái độ đạt khi đạt từ 3 điểm trở lên.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Nghiên cứu nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.0 và xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Đã được thông qua bởi Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ số 25.079.SV/PCT-HĐĐĐ ngày 12/05/2025.

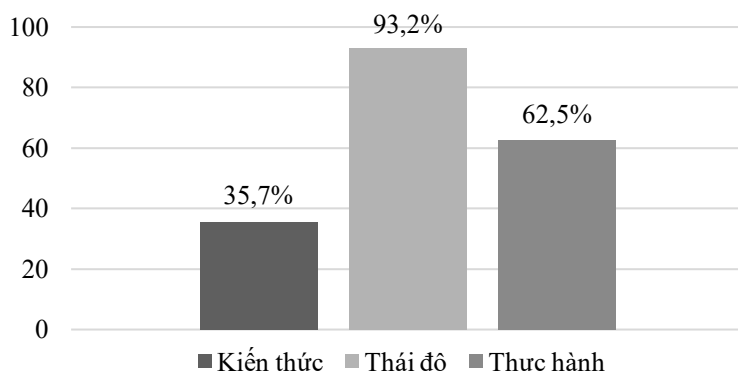
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành đạt về phòng chống đuối nước của học sinh

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=280)

Thông tin		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	134	47,9
	Nữ	146	52,1
Tuổi	11 tuổi	62	22,1
	12 tuổi	72	25,7
	13 tuổi	74	26,4
	14 tuổi	69	24,6
	15 tuổi	3	1,1
Khối lớp	Lớp 6	70	25
	Lớp 7	70	25
	Lớp 8	70	25
	Lớp 9	70	25
Kết quả học tập năm học trước	Giỏi	90	32,1
	Khá	115	41,1
	Trung bình	73	26,1
	Yếu	2	0,7

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh nam và nữ lần lượt là 47,9% và 52,1%. Phân bố đều ở 4 khối lớp 6, 7, 8, 9 ở cả hai trường. Trong đó, kết quả học tập năm học 2024 - 2025 chiếm tỷ lệ cao nhất là học lực khá với 41,1%, học lực giỏi chiếm 32,1%, trung bình chiếm 26,1% và yếu chiếm 0,7%.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành đạt chung của học sinh

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh đạt về thái độ (93,2%) và thực hành (62,5%) ở mức cao, nhưng tỷ lệ kiến thức đạt thấp (35,7%).

3.2. Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành đạt của học sinh.

Bảng 2. Các yếu tố liên quan đến tỷ lệ kiến thức đạt của học sinh

Đặc điểm		Kiến thức đạt		OR (KTC 95%)	p
		Đạt n (%)	Đạt n (%)		
Lớp	6	13 (4,6%)	57 (20,4%)	1	-
	7	33 (11,8%)	37 (13,2%)	4,78 (2,1-10,99)	<0,001
	8	22 (7,9%)	48 (17,1%)	2,04 (0,88-4,69)	0,096
	9	32 (11,4%)	38 (13,6%)	3,85 (1,71-8,62)	0,001

Đặc điểm		Kiến thức đạt		OR (KTC 95%)	p
		Đạt n (%)	Đạt n (%)		
Học sinh biết bơi	Có	78 (27,9%)	104 (37,1%)	2,853 (1,53-5,32)	0,001
	Không	22 (7,9%)	76 (27,1%)		
Học sinh có tham gia tuyên truyền	Có	81 (28,9%)	95 (33,9%)	3,216 (1,746-5,923)	<0,001
	Không	19 (6,8%)	85 (30,4%)		
Trường có dạy bơi	Có	66 (23,6%)	73 (26,1%)	2,817 (1,682-4,718)	<0,001
	Không	34 (12,1%)	107 (38,2%)		

Nhận xét: Kết quả phân tích đa biến cho thấy khối lớp, việc biết bơi, học sinh có tham gia tuyên truyền và trường có tổ chức dạy bơi là các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức đạt của học sinh ($p \leq 0,001$). Cụ thể, học sinh biết bơi, có tham gia tuyên truyền và học tại trường có dạy bơi có cơ hội đạt kiến thức cao hơn đáng kể so với nhóm không có lần lượt là 2,853, 3,216 và 2,817 lần.

Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến tỷ lệ thực hành đạt của học sinh

Đặc điểm		Thực hành đạt		OR (KTC 95%)	p
		Đạt n (%)	Đạt n (%)		
Biết bơi	Có	147 (52,5)	35 (12,5)	12,483 (6,255-24,911)	<0,001
	Không	28 (10)	70 (25)		
Học sinh có tham gia truyền thông	Có	139 (49,6)	37 (13,2)	7,908 (4,073-15,355)	<0,001
	Không	36 (12,9)	68 (24,3)		
Trường có dạy bơi	Có	96 (34,3)	43 (15,4)	1,708 (1,037-2,813)	0,035
	Không	79 (28,2)	62 (22,1)		

Nhận xét: Kết quả phân tích đa biến cho thấy các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ thực hành đạt của học sinh là việc biết bơi, học sinh tham gia tuyên truyền ($p < 0,001$) và học sinh học tại trường có tổ chức dạy bơi ($p < 0,05$). Học sinh biết bơi đạt kết quả thực hành cao gấp 12,48 lần so với nhóm không biết bơi, học sinh có tham gia tuyên truyền và học tại trường có tổ chức dạy bơi cũng đạt thực hành cao gấp 7,908 và 1,708 lần so với nhóm đối chứng.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành đạt về phòng chống đuối nước của học sinh THCS

Đối tượng tham gia nghiên cứu là học sinh trung học cơ sở trong độ tuổi từ 11 – 14 thuộc giai đoạn dậy thì - thời kỳ chuyển tiếp quan trọng từ trẻ em sang người trưởng thành. Ở giai đoạn này, học sinh có nhiều thay đổi rõ rệt về thể chất, tâm sinh lý và nhận thức; đồng thời chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ gia đình, nhà trường và môi trường xã hội xung quanh. Trong nghiên cứu, tỷ lệ học sinh nam tham gia thấp hơn so với học sinh nữ, với tỷ lệ lần lượt là 47,9% và 52,1%.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước là 35,7%. Kết quả này cao hơn so với tỷ lệ 34,9% học sinh có kiến thức tốt trong nghiên cứu của Nguyễn Hoài Linh [6] nhưng thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Lương (52,7%) [5] và Trần Thị Quỳnh Anh (39%) [7], đặc biệt thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của Lauren Petrass (55,6%) [8] và Zhao hao Zhong (90%) [9].

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy có 93,2% học sinh có thái độ tốt về phòng tránh đuối nước, cao hơn so với nghiên cứu của Trần Thị Quỳnh Anh (2023) với tỷ lệ 93,0% [7]. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy có 62,5% học sinh thực hành đạt về phòng tránh

đuối nước, cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Lương (2023) là 51,1% [6] và nghiên cứu của Võ Minh Hoàng là 38% [10].

4.2. Một số yếu tố liên quan tác động đến kiến thức, thực hành đạt về phòng chống đuối nước của học sinh THCS

Kết quả nghiên cứu cho thấy khối lớp, học sinh biết bơi, học sinh có tham gia truyền thông phòng chống đuối nước và trường có dạy bơi là các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ kiến thức đạt của học sinh ($p < 0,05$). Cụ thể, học sinh biết bơi có cơ hội đạt kiến thức cao gấp 2,853 so với nhóm không biết bơi. Đồng thời, việc tham gia truyền thông phòng chống đuối nước giúp tăng cơ hội đạt kiến thức lên 3,216 lần. Cuối cùng, học sinh tại các trường có tổ chức dạy bơi có cơ hội đạt kiến thức cao gấp lần lượt 2,817 lần so với trường không tổ chức.

Nghiên cứu cũng chỉ ra các nhóm yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ thực hành đạt bao gồm việc học sinh biết bơi, học sinh có tham gia truyền thông và nhà trường có tổ chức dạy bơi ($p < 0,05$). Đáng chú ý nhất là nhóm học sinh biết bơi có tỷ lệ thực hành đạt cao gấp 12,483 lần so với nhóm không biết bơi. Bên cạnh đó nhóm học sinh có tham gia truyền thông phòng chống đuối nước có cơ hội đạt thực hành lên 7,908 lần. Cuối cùng, nhà trường có tổ chức dạy bơi giúp tăng tỷ lệ thực hành đạt của học sinh lên 1,708 lần so với trường không tổ chức dạy bơi. Kết quả này khẳng định vai trò quan trọng của việc kết hợp giữa truyền thông và giáo dục thể chất trong nhà trường.

V. KẾT LUẬN

Nhìn chung, tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt còn thấp, điều đó phản ánh sự cần thiết trong việc phải tăng cường triển khai hơn nữa các chương trình giáo dục kỹ năng sống, chủ yếu là giảng dạy kỹ năng bơi lội, kỹ năng tự cứu đuối, cứu nạn và sơ cấp cứu vào chương trình sức khỏe học đường cho học sinh trung học cơ sở. Đặc biệt, tại địa bàn nghiên cứu - Quận Bình Thủy, nơi các em sinh sống và học tập có rất nhiều ao hồ, sông tiềm ẩn nhiều nguy cơ đuối nước. Do vậy, việc tuyên truyền cho phụ huynh cũng như học sinh về việc tham gia các lớp dạy kỹ năng bơi lội và nâng cao nhận thức về phòng chống đuối nước cho các em là nhiệm vụ giáo dục ưu tiên hàng đầu nhằm thay đổi chỉ số an toàn và giảm thiểu rủi ro cho nhóm đối tượng nguy cơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Global status report on drowning prevention 2024. 2024.
2. World Health Organization. Drowning. 2021
3. Chung Thủy. Tử vong do đuối nước ở Việt Nam cao gấp 10 lần các nước phát triển. 2020. <https://truyenhinhthanhhoa.vn/tu-vong-do-duoi-nuoc-o-viet-nam-cao-gap-10-lan-cac-nuoc-phat-trien-1808320331.htm>.
4. Yuan R. Research on the causes and preventive measures of swimming drowning among adolescents and children in China. *Academic Journal of Management and Social Sciences*. 2023. 15(2),62–65, <https://doi.org/10.54097/ajmss.v15i2.14705>.
5. Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Bích Diệp, & Hoàng Đức Phúc. Kiến thức, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh một trường trung học cơ sở thuộc huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội năm 2023. *Vietnam Journal of Community Medicine*. 2024. 65(5),173-179, <https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1269>.
6. Nguyễn Hoài Linh, & Trần Thị Hồng. Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

- năm 2020. *Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển*. 2021. 5(1), 132–140, <https://doi.org/10.38148/JHDS.0501SKPT20-072>.
7. Trần Thị Quỳnh Anh. Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống đuối nước của học sinh trường Trung học cơ sở Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội năm 2022 và một số yếu tố liên quan. Đại học Thăng Long. 2023. 34.
 8. Petrass, L., Calverley, H. L. M., & Matthews, B. Measuring Australian primary school children's water safety knowledge: Alignment with the Victorian Water Safety Certificate. *The Journal of School Health*. 2025. 96(1), <https://doi.org/10.1111/josh.70081>.
 9. Zhong, Z., Wang, S., Zhu, Y., Xue, J., Lou, W., *et al.* Drowning prevention knowledge and risk behaviors among children and adolescents in China: a cross-sectional study. *Frontiers in Public Health*. 2026.14, <https://doi.org/10.3389/fpubh.2026.1821083>.
 10. Võ Minh Hoàng, Ngô Quý Trân, Hoàng Trần An Phương, Nguyễn Thị Thúy Hằng. Thực trạng và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh trung học cơ sở thành phố Huế. *Tạp chí Y Học Việt Nam*. 2024. 5341(1B), 109-113, <https://doi.org/10.51298/vmj.v534i1B.8253>.
-